

Bản án số: 432/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ 10, ấp MB, xã TMT, huyện Châu Phú, An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Khoa T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ 13, ấp MB, xã TMT, huyện Châu Phú, An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu nhau, sau đó chung sống với nhau vào năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên đã ly thân khoảng 08 năm nay. Nay bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Khoa T.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lan Th, sinh ngày 15/02/2004 và Nguyễn Huỳnh Ngọc Bảo C, sinh ngày 26/01/2012, hiện 02 con chung đang sống với bà. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Khoa T đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông Khang vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T. Giao hai con chung Lan Th và Bảo C cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn là ông T có địa chỉ cư trú tại ấp Mỹ Bình, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện tìm hiểu nhau, sau đó chung sống với nhau vào năm 2003, ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà L và T lại không đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa ông, bà không được công nhận là quan hệ vợ chồng, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Xét yêu cầu của bà L yêu cầu ly hôn ông T. Thấy rằng, bà L và ông T không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T trên cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà L và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lan Th, sinh ngày 15/02/2004 và Nguyễn Huỳnh Ngọc Bảo C, sinh ngày 26/01/2012, hiện 02 con chung đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung Nguyễn Thị Lan Th và Nguyễn Huỳnh Ngọc Bảo C. Con chung Lan Th và Bảo C cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ. Do đó, để tạo điều kiện cho hai con chung Nguyễn Thị Lan Th và Nguyễn Huỳnh Ngọc Bảo C ổn định về tâm lý, chỗ ở và sự phát triển về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Lan Th và Nguyễn Huỳnh Ngọc Bảo C cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu cấp dưỡng.

Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp. Ông Nguyễn Khoa T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Khoa T.

2. Về quan hệ con chung:

- Giao hai con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Lan Th và Nguyễn Huỳnh Ngọc Bảo C cho bà Nguyễn Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Khoa T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bà L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006249 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Nguyễn Khoa T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Khoa T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ

